

Bản án số: 89/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12-7-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Nam Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Ty

Ông Nguyễn Bá Dân

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 25/2024/TLST-HNGĐ ngày 26/02/2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 50/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/6/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị N, sinh năm 1988;

Địa chỉ: thôn Q 1, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1990;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn 1 Y, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản.

Tại phiên tòa vắng mặt chị N (đã có đơn xin vắng mặt), anh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Phan Thị N trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 30/12/2012 tại UBND xã T1 (nay là xã T), huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách của hai vợ chồng không còn hòa hợp, không có tiếng nói

chung, tình cảm vợ chồng không còn như ban đầu. Mặc dù hai vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Vì điều kiện gia đình và mâu thuẫn giữa hai vợ chồng nên năm 2018 chị đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, đến tháng 8/2022 thì chị về nước. Còn anh D cũng đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản vào tháng 4/2022, vợ chồng sống ly thân nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cả hai bên đều xác định không thể sống chung với nhau được nữa. Nay chị xét thấy mâu thuẫn đã rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Việt A, sinh ngày 03/01/2015. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng với chị. Nay ly hôn, nguyện vọng của chị là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Chị N trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh Nguyễn Văn D tại Nhật Bản nên không thể cung cấp cho Tòa án được. Anh D vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình bố mẹ đẻ anh D là ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị T, địa chỉ tại thôn 1 Y, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Đề nghị Tòa án tiến hành thu thập thêm thông tin từ gia đình anh D.

* Tại buổi xác minh tại gia đình anh Nguyễn Văn D, Tòa án tiến hành lấy lời khai của ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị T. Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2024, ông Q, bà T trình bày:

Ông, bà là bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn D và là bố mẹ chồng chị Phan Thị N. Anh D và chị N kết hôn vào khoảng năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T1 (nay là xã T), huyện T. Sau khi kết hôn, ông, bà thấy vợ chồng anh chị sống vui vẻ, hạnh phúc. Từ khi kết hôn, vợ chồng thường sinh sống và làm việc bên nhà ngoại. Đến khoảng năm 2017 thì chị N đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, khi đó anh D đưa con về ở cùng với ông, bà. Đến tháng 4 năm 2022 thì anh D cũng đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, từ đó đến nay chưa về Việt Nam, Ông, bà vẫn thường xuyên liên lạc với anh D qua điện thoại, nhưng địa chỉ cụ thể thì ông, bà không biết. Việc ly hôn hay không là do anh, chị tự quyết định, ông, bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, anh D và chị N có một con chung là Nguyễn Việt A, sinh ngày 03/01/2015, hiện nay cháu A đang ở với chị N. Còn về tài sản thì vợ chồng anh D, chị N không có tài sản chung gì và không nợ ai.

Ông, bà đồng ý thay anh D nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và sẽ có trách nhiệm thông báo cho anh D biết.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Về nội dung: Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phan Thị N, xử cho chị N được ly hôn anh Nguyễn Văn D; về con chung: giao cháu Nguyễn Việt A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và công nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí: chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền của Tòa án:

Chị Phan Thị N là nguyên đơn đang cư trú tại tỉnh Thanh Hóa, bị đơn là anh Nguyễn Văn D có đăng ký hộ khẩu tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nhưng hiện nay đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản. Trong vụ án này bị đơn cư trú ở nước ngoài, tuy nhiên bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

[1.2] Về việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn:

Chị N chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh D ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của anh D tại nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu nhưng bố, mẹ đẻ của anh D trình bày không biết địa chỉ anh D ở Nhật Bản. Tuy nhiên, anh D vẫn thường xuyên liên lạc về cho ông, bà, vậy nên bố, mẹ anh D là ông Nguyễn Văn Q, bà Lê Thị T vẫn nhận các văn bản tố tụng để thông báo cho anh D, vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn chị Phan Thị N, chị N đã có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn D vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng qua người thân đến lần thứ hai. Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, xét xử vắng mặt chị Phan Thị N và anh Nguyễn Văn D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phan Thị N và anh Nguyễn Văn D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

Trong lời khai, các tài liệu có liên quan trong vụ án, chị N trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách của hai vợ chồng không còn hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn như ban đầu. Mặc dù hai vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Vì điều kiện gia đình và mâu thuẫn giữa hai vợ chồng nên năm 2018 chị đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, đến tháng 8/2022 thì chị về nước. Còn anh D cũng đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản vào tháng 4/2022, vợ chồng sống ly thân nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Phan Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Việt A, sinh ngày 03/01/2015. Chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Nguyên vọng của cháu A là được ở với mẹ. Xét thấy, hiện nay anh D đang ở nước ngoài, sẽ khó có điều kiện chăm sóc tốt cho con, do đó chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản và công nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét. Anh D không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản và công nợ chung nên nếu sau này anh D có yêu cầu thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Phan Thị N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phan Thị N:

- Về hôn nhân: Cho chị Phan Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Việt A, sinh ngày 03/01/2015 cho chị Phan Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con

chung cùng chị N. Anh D có quyền qua lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Phan Thị N phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000144 ngày 21/02/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, chị N đã nộp đủ án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Phan Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng ngày kể từ ngày nhận được bản án, bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P9);
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã T, huyện
T, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu HSVA, Tòa GĐ&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Nam Tiến

